



ĐƠN BẢO HIỂM DU LỊCH QUỐC TẾ

INTERNATIONAL TRAVEL INSURANCE POLICY

(TẠM THỜI/TEMPORARY)

Số/No: PV23JYVIFG

Trên cơ sở Bên mua bảo hiểm đã được cung cấp các điều khoản, quy tắc bảo hiểm, đã được tư vấn, giải thích đầy đủ về sản phẩm bảo hiểm liên quan, bao gồm các điều khoản loại trừ bảo hiểm. Bên mua bảo hiểm đồng ý chia sẻ thông tin cá nhân cho Bảo Minh nhằm mục đích phục vụ cho việc tham gia bảo hiểm và bồi thường khi có phát sinh sự kiện bảo hiểm và đã đề nghị giao kết thông qua việc kê khai/xác nhận Yêu cầu tham gia bảo hiểm tại website. Bảo Minh đồng ý nhận bảo hiểm cho Người được bảo hiểm theo các nội dung dưới đây:

On the basis that The Policyholder has been provided, consulted and fully explained the terms, conditions, and provisions of the insurance, including insurance exclusions that apply to this policy. The Policyholder and The insured agree to share personal information with Bao Minh for the purpose of insurance participation and compensation when an insurance event occurs and have requested to enter into a contract through declaring/confirming The insurance application on the website. Bao Minh agrees to accept insurance for the Insured according to the following contents:

I. THÔNG TIN CHỦ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM/ INFORMATION OF INSURANCE POLICY HOLDERS	
1. Tên Chủ hợp đồng bảo hiểm <i>The Policyholder</i>	Mai Phạm Thuỳ Hương
2. Địa chỉ <i>Address</i>	
II. THÔNG TIN CHUYẾN ĐI/ INFORMATION OF TRIP	
1. Thời hạn bảo hiểm <i>Insurance period</i>	Từ ngày/ <i>From</i> 23/11/2023 Đến ngày/ <i>To</i> 19/12/2023
2. Giới hạn địa lý <i>Geographical limit</i>	Asean
3. Hành trình <i>Itinerary</i>	Vietnam - Thailand - Thailand - Vietnam
III. QUYỀN LỢI BẢO HIỂM/ INSURANCE BENEFITS	MỨC TRÁCH NHIỆM The liability insurance
1. Tai nạn cá nhân/ <i>Personal accident</i>	5.000 USD /Người/Hành trình 5.000 USD /Person/ Itinerary (Chi tiết tại trang 3 bảng quyền lợi bảo hiểm/ <i>Details on page 3 - Insurance benefits table</i>)
2. Chi phí y tế Mở rộng: Bảo hiểm cho dịch Covid – 19 theo giới hạn quyền lợi bảo hiểm sức khỏe như sau: - Bảo hiểm cho Chi phí y tế điều trị nội trú tối đa 100.000USD /người /thời hạn bảo hiểm. - Bảo hiểm cho Chi phí y tế điều trị ngoại trú theo quyền lợi Hợp đồng. <i>Medical Expenses</i> <i>Extend to Insurance for the Covid-19 epidemic in accordance with insurance benefit limit:</i> - <i>Insurance for medical expenses in-patient maximum at 100.000 USD/person/insurance period.</i> - <i>Insurance for medical expenses out-patient in accordance with insurance benefits.</i>	
3. Trợ cứu y tế/ <i>Medical assistance</i>	
4. Hỗ trợ du lịch/ <i>Travel assistance</i>	
5. Các quyền lợi khác/ <i>Other benefits</i>	

IV. ĐIỀU KIỆN, ĐIỀU KHOẢN/INSURANCE TERMS & CONDITIONS

1. **Điều khoản tham gia bảo hiểm nguyên nhân do dịch bệnh Covid-19:**

Conditions for participating in insurance caused by the Covid-19 epidemic:

- **Trường hợp Người được bảo hiểm đến 70 tuổi,** Bảo Minh đồng ý bảo hiểm cho dịch bệnh Covid-19 theo giới hạn quyền lợi bảo hiểm sức khỏe quy định tại Hợp đồng /Giấy chứng nhận tối đa **50.000USD/người/thời hạn bảo hiểm**, tùy số nào thấp hơn. Tổng mức trách nhiệm bảo hiểm cao nhất của Bảo Minh (tổng thất tích tụ) không vượt quá 2.100.000.000VNĐ/tổng vụ/Hợp đồng.
- **If the insured person is below 70 years old,** Bao Minh will provide insurance coverage for Covid-19 based on the health insurance benefits limit specified in the Contract / Certificate, with a maximum of 50.000 USD/person/insurance period, whichever is lower. The maximum insurance liability of Bao Minh (cumulative loss) will not exceed 2.100.000.000 VND/total policy/contract.
- **Trường hợp Người được bảo hiểm trên 70 tuổi,** Bảo Minh đồng ý bảo hiểm cho dịch bệnh Covid-19 theo giới hạn quyền lợi **5.000USD/người/** thời hạn bảo hiểm, tùy số nào thấp hơn. Tổng mức trách nhiệm bảo hiểm cao nhất của Bảo Minh (tổng thất tích tụ) không vượt quá 2.100.000.000VNĐ/tổng vụ/Hợp đồng.
- For insured persons aged 70 years and above,** Bao Minh agrees to insure for Covid-19 up to a limit of 5.000 USD/person/insurance period, whichever is lower. The maximum insurance liability of Bao Minh (cumulative loss) will not exceed 2.100.000.000 VND/total policy/contract.

2. **Giới hạn địa lý:** Ngoài lãnh thổ Việt Nam.

Geographical limit: Outside Vietnam's territory.

3. **Mức miễn thường:** Ngoại trú: Mức miễn thường có khấu trừ 50 USD cho một lần điều trị

Deductible: Out-patient: 50 USD per treatment.

4. **Giới hạn địa lý:** Ngoài lãnh thổ Việt Nam.

Geographical limit: Outside Vietnam's territory.

5. **Mức miễn thường:** Ngoại trú: Mức miễn thường có khấu trừ 50 USD cho một lần điều trị

Deductible: Out-patient: 50 USD per treatment.

6. **Điều khoản và điều kiện:** Theo [Quy tắc Bảo Hiểm Du Lịch Quốc Tế](#) của Bảo Hiểm Bảo Minh. (Theo Quyết định số 0333/2011-BM/QLNV ngày 01/03/2011 của Tổng Giám đốc Bảo Minh).

Insurance conditions: According to the [International Travel Insurance Clauses](#) issued in accordance with the Decision No.0333/2011-BM/QLNV dated 01/03/2011 by Chief Executive Officer of Bao Minh.

7. **Hiệu lực bảo hiểm/ Insurance validity:**

- **Ngày bắt đầu/ Effective time:**

- + Trừ Bảo hiểm cho quyền lợi Hủy chuyến bay, bảo hiểm sẽ bắt đầu có hiệu lực từ thời điểm đăng ký tên lên chuyến bay trong Ngày khởi hành đầu tiên của chuyến bay theo lịch trình, bao gồm thời gian Người được bảo hiểm ở trong khu vực sân bay để bắt đầu hoặc tiếp tục chuyến bay theo lịch trình.

Except for the Flight Cancellation benefit, coverage will commence from the time of check-in on the First Departure Date of the scheduled flight, including the time the Insured Person stays in the airport area to start or continue a scheduled flight.

- + Bảo hiểm cho quyền lợi Hủy chuyến bay bắt đầu có hiệu lực vào thời điểm nào xảy ra sau giữa ngày cấp Hợp đồng bảo hiểm hoặc 60 ngày trước Ngày khởi hành đầu tiên.

Coverage for Flight Cancellation benefits shall commence any time after the date of issuance of the Policy or 60 days prior to the First Departure Date.

- **Ngày kết thúc/ Expiration time:**

+ **Đối với vé 1 chiều/ For one-way ticket:**

- o Ngoại trừ quyền lợi Hủy chuyến bay, bảo hiểm sẽ hết hiệu lực sau 03 ngày kể từ Ngày khởi hành đầu tiên; HOẶC Khi Người được bảo hiểm rời khỏi sân bay Nước đến cuối cùng của hành trình bay.

Except for Flight Cancellation benefits, insurance will expire 03 days after the first Departure Date; OR When the Insured Person leaves the airport of the final destination of the flight.

- o Bảo hiểm cho quyền lợi Hủy chuyến bay sẽ kết thúc vào Ngày khởi hành đầu tiên.

Coverage for Flight Cancellation benefit will end on the First Departure Date.

+ **Đối với vé máy bay khứ hồi/ For round-trip tickets:**

- o Trừ Bảo hiểm cho quyền lợi Hủy chuyến bay, bảo hiểm sẽ hết hiệu lực khi Người được bảo hiểm rời khỏi khu vực sân bay tại Nơi đến chặng bay kết thúc của Chuyến đi khứ hồi hoặc khi kết thúc 180 ngày kể từ Ngày khởi hành đầu tiên, Thời điểm nào đến trước sẽ được áp dụng.

Except for Flight Cancellation Benefit Coverage, coverage will expire upon departure of the Insured Person from the airport area at Destination at the end of the Round Trip or at the end of 180 days from the Departure Date. First act, whichever comes first will prevail.

- o Bảo hiểm cho quyền lợi Hủy chuyến bay sẽ kết thúc vào Ngày khởi hành đầu tiên.

Coverage for Flight Cancellation benefit will end on the First Departure Date.

Ngày cấp/Date of issue: 10/11/2023

Đại Diện Công Ty Bảo Minh Gia Định
Representative of Bao Minh Gia Dinh Company

NGUYỄN HIẾU NGHĨA

BẢNG QUYỀN LỢI BẢO HIỂM/ TABLE OF BENEFIT

Đơn vị tính: USD

QUYỀN LỢI ĐƯỢC BẢO HIỂM INSURANCE BENEFITS	Mức trách nhiệm Bảo Hiểm (USD)/ The liability Insurance (USD)				
	Cơ bản 1 <i>Basic 1</i> \$5.000	Cơ bản 2 <i>Basic 2</i> \$10.000	Phổ thông <i>Standard</i> \$50.000	Cao cấp <i>Superior</i> \$100.000	Thượng hạng <i>Premium</i> \$150.000
MỤC A- TAI NẠN CÁ NHÂN/ SECTION A: PERSONAL ACCIDENT					
Quyền lợi 1: Tử vong do Tai nạn/ Benefit 1: Accidental death	5.000	10.000	50.000	100.000	150.000
Quyền lợi 2: Thương tật vĩnh viễn do Tai nạn Chỉ bồi thường cho 6 Thương tật vĩnh viễn đã được lựa chọn trong Quy tắc. Benefit 2: Permanent disability Payment made only for 6 permanent disabilities selected in the Rule.	5.000	10.000	50.000	100.000	150.000
Quyền lợi 3: Gấp đôi số tiền bảo hiểm khi sử dụng phương tiện vận tải công cộng, áp dụng cho chương trình Cao cấp và Thượng hạng Số tiền BH cho Quyền lợi 1 sẽ gấp đôi nếu người được BH bị Tai nạn dẫn đến tử vong khi đang sử dụng phương tiện vận tải công cộng chạy theo lịch trình cụ thể. Benefit 3: Double indemnity amount when using the public conveyance, applicable to Superior and First Class program The indemnity amount to Benefit 1 will be double if the Insured Person meets the accidental death whilst using the public conveyance operating on a published schedule (not applicable to under 19 and over 60 years old)	Không có/ Not applicable	Không có/ Not applicable	Không có/ Not applicable	200.000	300.000
Quyền lợi 4: Hỗ trợ chi phí học hành của trẻ em (Không bao gồm trong mức quyền lợi bảo hiểm tối đa) Là số tiền sẽ được trả cho mỗi người con hợp pháp trong giá thú dưới 18 tuổi, hoặc dưới 23 tuổi còn phụ thuộc đang theo học toàn thời gian tại một trường chính thức, khi Người được bảo hiểm chính chết do Tai nạn. (Tối đa 4 người con, phải có tên trong Hợp đồng bảo hiểm). Benefit 4: Child tuition assistance (Not included in the maximum benefit level) Amount paid to each legal child under 18 years old, or under 23 years old dependent child attending an official school, in case of accidental death of the main Insured Person (Maximal coverage: 4 children with their names written in the insurance policy).	Không có/ Not applicable	Không có/ Not applicable	500	500	2.500
MỤC B – CHI PHÍ Y TẾ/ SECTION B: MEDICAL EXPENSES					
Quyền lợi 5: Chi phí y tế cho Tai nạn và ốm đau, chi phí nha khoa do Tai nạn/ Benefit 5: Medical expenses for accident and illness, accidental dental expenses (Bao gồm nguyên nhân do Covid-19/Including causes due to Covid-19)					
5.1 Chi phí điều trị nội trú Áp dụng đối với các chi phí điều trị Nằm viện, phẫu thuật, xe cứu thương và nhân viên y tế đi kèm, xét nghiệm, tiền thuốc, tiền phòng và tiền ăn trong Bệnh viện. 5.1 Medical expenses in-patient Applied to costs of hospital confinement, surgery, ambulance and accompanying medical worker, medical test, medicine, room charge and meal in the hospital.	5.000	10.000	50.000	70.000	100.000

<p>5.2 Chi phí điều trị ngoại trú</p> <p>Chi phí điều trị ngoại trú, bao gồm chi phí khám bệnh, thuốc kê theo đơn của Bác sĩ điều trị, chụp X-quang, xét nghiệm theo chỉ định. Mức miễn thường có khấu trừ 50USD cho một lần điều trị.</p> <p>5.2 Medical expenses out-patient</p> <p>The medical expenses out-patients include the costs of medical examination, drugs prescribed by the doctor, X-ray check, laboratory test on order. 50 USD will be deducted at each treatment time from the exemption level.</p>	Không có/ Not applicable	Không có/ Not applicable	2.500	3.500	5.000
<p>5.3 Chi phí phát sinh cho điều trị các biến chứng thai sản phải Nằm viện Quyền lợi này loại trừ cho tất cả các hình thức sinh nở.</p> <p>5.3 Expenses arising from the treatment of pregnancy compli-cations that need the patient to be hospitalized.</p> <p>This benefit excludes all forms of birth giving.</p>	Không có/ Not applicable	Không có/ Not applicable	5.000	7.000	10.000
<p>5.4 Chi phí điều trị tiếp theo</p> <p>Việc điều trị ở nước ngoài được đề nghị của Bác sĩ có thể trở về điều trị tiếp ở Việt Nam. Chi phí điều trị tiếp theo trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc Thời hạn bảo hiểm được ghi trong Giấy chứng nhận bảo hiểm.</p> <p>5.4 Post journey medical expenses. Treatment abroad that the doctor proposes to be continued in Vietnam. The expenses of the post journey medical treatment within 30 days from the expiry date of the insurance term is set out in the Insurance Certificate.</p>	800	1.200	8.000	10.000	12.000
<p>Quyền lợi 6: Trợ cấp tiền mặt khi Nằm viện</p> <p>Trả phụ cấp 50 USD cho một ngày Nằm viện ở nước ngoài.</p> <p>Benefit 6: Hospitalization cash allowance</p> <p>Payment of USD 50 for each day of stay in hospital.</p>	Không có/ Not applicable	Không có/ Not applicable	500	700	1.000
<p>Quyền lợi 7: Chi phí cho thân nhân đi thăm</p> <p>Chi phí đi lại (vé máy bay khứ hồi) thông qua Công ty Cứu trợ cho một người thân trong gia đình đi thăm khi Người được bảo hiểm phải Nằm viện trên 05 ngày và ở trong Tình trạng nguy kịch và không có người thân nào trong gia đình có mặt để chăm sóc.</p> <p>Benefit 7: Compassionate visit overseas expenses for the insured person’s relatives</p> <p>Traveling costs (round-the-trip air ticket) through the Assistance Company paid to a relative in the family to visit the Insured person who is confined in a hospital for over 05 days and in critical conditions and no family member is present to take care of him/her</p>	Không có/ Not applicable	Không có/ Not applicable	3.500	5.000	7.000
<p>Quyền lợi 8: Đưa trẻ em đi kèm hồi hương (Không bao gồm trong mức quyền lợi bảo hiểm tối đa đối với trường hợp tử vong hoặc Thương tật vĩnh viễn do Tai nạn)</p> <p>Khi Người được bảo hiểm bị tổn thương nghiêm trọng hoặc chết, thông qua Công ty Cứu trợ sẽ thu xếp chi phí đi lại và ăn ở cần thiết phát sinh thêm cho một trẻ em dưới 14 tuổi đi kèm để đưa trẻ em đó về Việt Nam hoặc Quê hương.</p> <p>Benefit 8: Repatriation of accompanied minor children (Not included in the maximum benefit level for death or permanent injury due to an accident)</p> <p>Should the Insured person be seriously injured or dead, through the Assistance Company, the necessary and arising expenses of traveling and accommodation to the accompanied child under 14 years old will be arranged to return that child back to Vietnam or his/her home country</p>	Không có/ Not applicable	Không có/ Not applicable	3.500	5.000	7.000

MỤC C – TRỢ CỨU Y TẾ/ SECTION C: MEDICAL ASSISTANCE					
Quyền lợi 9: Vận chuyển khẩn cấp Trong trường hợp “khẩn cấp” cho Người được bảo hiểm tới cơ sở y tế gần nhất có khả năng cung cấp dịch vụ y tế thích hợp. Benefit 9: Emergency evacuation In case of “emergency” to evacuate the Insured person to the nearest medical unit that is capable of providing the appropriate medical services.	5.000	10.000	50.000	70.000	100.000
Quyền lợi 10: Hồi hương. Chi phí đưa Người được bảo hiểm về Việt Nam hoặc Quê hương (bao gồm cả chi phí cho thiết bị y tế di động và nhân viên y tế đi kèm) trong trường hợp cần thiết về phương diện y khoa. Benefit 10: Repatriation. Expenses to take back the Insured person to Vietnam or his/her Home country (including the costs of portable medical equipment and accompanying medical workers) in the necessary case in terms of a medical aspect.	5.000	10.000	50.000	70.000	100.000
Quyền lợi 11: Vận chuyển hài cốt/mai táng (Không bao gồm trong mức quyền lợi bảo hiểm tối đa đối với trường hợp tử vong do Tai nạn). Vận chuyển hài cốt của Người được bảo hiểm về Việt Nam hoặc Quê hương hoặc mai táng ngay tại nơi mất khi có yêu cầu. Benefit 11: Repatriation of mortal remains/ burial service (Not included in the maximum benefit level for accidental death) To transport the mortal remains of the insured person back to Vietnam or his/her home country or bury him/her at the place of death on request.	5.000	10.000	50.000	70.000	100.000
Quyền lợi 12: Bảo lãnh thanh toán viện phí Bảo lãnh thanh toán viện phí trực tiếp cho Bệnh viện trong trường hợp Nằm viện do nguyên nhân đã được bảo hiểm. Benefit 12: Hospital fees payment guarantee To guarantee the direct payment of hospital fees to the hospital in case of hospitalization due to the causes covered by the insurance.	Bao gồm/ included	Bao gồm/ included	Bao gồm/ included	Bao gồm/ included	Bao gồm/ included
MỤC D – HỖ TRỢ DU LỊCH/ SECTION D: TRAVEL ASSISTANCE					
Quyền lợi 13: Thiệt hại hành lý và tư trang Mất mát hay hỏng hành lý và tư trang do bị Tai nạn, cướp, trộm cắp hay do vận chuyển nhầm. Giới hạn cho một hạng mục là 250 USD. Benefit 13: Loss or damage of baggage and personal belongings. Loss or damage of baggage and personal belongings due to accident, thief or mistransport. The benefit limit is USD 250.	500	1.000	1.000	1.500	2.500
Quyền lợi 14: Hỗ trợ du lịch toàn cầu/ Benefit 14: Global travel assistance. a. Tư vấn, chỉ dẫn về dịch vụ y tế/ Consultancy, guide on medical service. b. Trợ giúp đối với việc nhập viện/ Assistance to the hospitalization. c. Vận chuyển y tế cấp cứu, đưa thi hài về nước/	Bao gồm/ included	Bao gồm/ included	Bao gồm/ included	Bao gồm/ included	Bao gồm/ included

Emergency medical evacuation, Repatriation of mortal remains. d. Trợ giúp về dịch vụ hành lý/ Baggage service assistance e. Trợ giúp về dịch vụ pháp lý/ Legal service assistance. f. Trợ giúp thu xếp vé khẩn cấp/ Emergency ticket assistance.					
Quyền lợi 15: Hành lý bị trì hoãn. Chi phí mua gấp các vật dụng thiết yếu cho vệ sinh cá nhân và quần áo vì lý do hành lý bị trì hoãn Benefit 15: Baggage delay. Expenses for urgent purchase of items essential for personal hygiene and clothing due to baggage delay.	Không có/ Not applicable	Không có/ Not applicable	400	550	800
Quyền lợi 16: Mất giấy tờ thông hành. Chi phí xin cấp lại hộ chiếu, visa, vé máy bay đã bị mất cùng chi phí đi lại và ăn ở phát sinh do việc xin cấp lại các giấy tờ đó. Giới hạn bồi thường tối đa một ngày là 10% của mức bảo hiểm cho quyền lợi này. Bị mất trộm tiền sẽ được bồi thường với số tiền tối đa là USD300/người/vụ (Phải có chứng từ chứng minh bị mất trộm như biên bản giải quyết của công an tại địa phương). Benefit 16: Loss of travel documents. Expenses for replacement of lost passport, visa, air ticket together with travel expenses to apply for the replacement of such documents. The daily limit of the maximal indemnity is 10% of the insurance amount for this Benefit. Money stolen will be compensated with a maximum amount of USD 300/person/case (Must have proof of theft such as local police settlement records).	Không có/ Not applicable	Không có/ Not applicable	1.500 Mất trộm tiền <i>Stolen money</i> Tối đa /Max 100	2.000 Mất trộm tiền <i>Stolen money</i> Tối đa /Max 200	3.000 Mất trộm tiền <i>Stolen money</i> Tối đa /Max 300
Quyền lợi 17: Cắt ngắn hay hủy bỏ Chuyến đi. Tiền đặt cọc không được hoàn lại cho Chuyến đi và chi phí đi lại tăng lên vì cắt ngắn hay hủy chuyến do Người được bảo hiểm bị chết, ốm đau Thương tật nghiêm trọng, phải ra làm chứng hay hầu toà hoặc được cách ly để kiểm dịch. Benefit 17: Curtailment or cancel-lation of the journey. Loss of deposit, advance payments for the journey and increase of expenses incurred from the journey curtailment or cancellation due to the Insured person’s death, serious illness or injury, mandatory witness or attendance at the court or isolation for quarantine purpose	Không có/ Not applicable	Không có/ Not applicable	4.500	6.000	9.500
Quyền lợi 18: Lỡ nối chuyến do lịch trình. Thanh toán 100 USD cho mỗi 6 tiếng liên tục bị lỡ nối chuyến có trong lịch trình do lỗi hàng không. Benefit 18: Travel misconnection due to the schedule. USD 100 will be paid for each 6 consecutive hours of travel misconnection with the flight set out in the timetable due to the airline’s fault.	Không có/ Not applicable	Không có/ Not applicable	200	200	200
Quyền lợi 19: Trách nhiệm cá nhân. Bảo hiểm trách nhiệm pháp lý của Người được bảo hiểm đối với thiệt hại thân thể hay tài sản của bên thứ ba gây ra do lỗi bất cẩn của Người được bảo hiểm. (Quynen lợi bảo hiểm này không áp dụng cho việc Người được bảo hiểm sử dụng hay thuê phương tiện có động cơ.)	Không có/ Not applicable	Không có/ Not applicable	50.000	70.000	100.000

Benefit 19: Personal liability. Insurance covering the legal liability of the Insured Person with regard to the damages of a third party's body or property due to the negligence of the Insured Person (this insurance benefit is not applied to the use or rental of motorized means of the Insured Person).					
Quyền lợi 20: Bắt cóc và con tin. Thanh toán 150 USD cho mỗi 24 tiếng Người được bảo hiểm bị bắt cóc làm con tin xảy ra trong chuyến đi nước ngoài. Benefit 20: Hijack and hostage. USD 150 will be paid to each 24 hours during which the Insured Person is hijacked as a hostage during his overseas trip.	Không có/ Not applicable	Không có/ Not applicable	2.000	3.000	5.000
Quyền lợi 21: Hỗ trợ tổn thất tư gia vì hỏa hoạn. Thanh toán cho các tổn thất hoặc thiệt hại đến tài sản trong Gia đình khi không có người ở hoặc trông coi gây ra bởi hỏa hoạn xảy ra trong thời hạn bảo hiểm. Benefit 21: Assistance for loss and damage of the personal house due to fire. Payment will be made for the losses and damages of the family's properties that have no residing people or supervision, such losses and damages are caused by fire within the insurance period.	Không có/ Not applicable	Không có/ Not applicable	1.000	3.000	5.000
Quyền lợi 22: Bảo hiểm trong trường hợp bị khủng bố. Toàn bộ các quyền lợi từ 1-20 của chương trình bảo hiểm đều được áp dụng khi chúng xảy ra bởi các hành động khủng bố khi Người được bảo hiểm ở nước ngoài. Benefit 22: Insurance in case of terrorism. All the entire benefits from 1-20 of the insurance plan will be applied should they occur following the acts of terrorism when the Insured person is abroad.	Bao gồm/ included	Bao gồm/ included	Bao gồm/ included	Bao gồm/ included	Bao gồm/ included

Quy đổi tỷ giá: 01 USD = 23.000 VND
(Đây chỉ là bảng tóm tắt các quyền lợi bảo hiểm, nội dung chi tiết đề nghị tham khảo thêm quy tắc bảo hiểm du lịch quốc tế nêu tại Giấy chứng nhận bảo hiểm)
Exchange rate: USD/VND = 23.000
(This is only a summary of insurance benefits, please refer to the international travel insurance rules mentioned in the Certificate of Insurance for details)

TRỢ GIÚP Y TẾ KHẨN CẤP
EMERGENCY MEDICAL ASSISTANCE

Khi cần tư vấn hoặc hỗ trợ khẩn cấp, xin liên hệ số điện thoại nóng 24/24 giờ của IPA: (+84)(0)28.3535.9818 Khi gọi tới, vui lòng cung cấp tên, số Hợp đồng bảo hiểm, Chương trình bảo hiểm, Thời hạn bảo hiểm, tình hình sự việc, số điện thoại cần liên hệ	For advice or emergency assistance, contact IPA at the following 24-hour tel. No.: (+84)(0)28.3535.9818 When calling, please identify your name, policy number, plan insurance, period of insurance, location, nature of problem and contact tel. No.
---	--

LIST OF INSURED PERSON

International Travel Insurance - Lựa chọn 1

STT No.	Họ và tên Full name	Ngày sinh D.O.B (dd/mm/yyyy)	Số hộ chiếu Passport No.	Mã đặt chỗ Booking Ref.	Loại chương trình (vé) (Ticket type)	Số tiền bảo hiểm Sum Insured	Phí bảo hiểm (VNĐ) Premium
1	Mai Phạm Thuỳ Hương	26/11/1992	C11252154	U7T6RF	Round trip	5.000 USD	175.000
TỔNG CỘNG/TOTAL							175.000